**Giáo án Sinh học LỚP 9**

**Học kì I**

**GV: ĐẶNG NGỌC TÚ**

**TRƯỜNG: THCS PHÚ LỢI**

**NH: 2020-2021**

**Tuần 3 Lớp dạy: Khối 9**

**Tiết 5** **Ngày dạy: 21/09/2020**

**Bài 5: Lai hai cặp tính trạng (tiếp)**

**I. Mục tiêu.**

**1. Kiến thức**

- Học sinh hiểu và giải thích được kết quả lai hai cặp tính trạng theo quan điểm của Menđen.

- Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá.

**2. Kỹ Năng**

- Phát triển kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.

**3. Thái độ**

- HS Biết ứng dụng vào trong thực tiễn

**II. Chuẩn bị.**

- Tranh phóng to hình 5 SGK.

- Bảng phụ ghi nội dung bảng 5.

**III. Hoạt động dạy - học.**

**1. ổn định lớp: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: (5’)**

? Căn cứ vào đâu Menđen lại cho rằng các tính trạng màu sắc và hình dạng hạt đậu trong thí nghiệm của mình di truyền độc lập với nhau? (Căn cứ vào tỉ lệ kiểu hình F2 bảng tích tỉ lệ các tính trạng hợp thành nó).

? Cặp tính trạng thứ nhất có tỉ lệ phân li 3:1, cặp tính trạng thứ 2 có tỉ lệ phân li là 1:1, sự di truyền của 2 cặp tính trạng này sẽ cho tỉ lệ phân li kiểu hình như thế nào? ĐA: (3:1)(1:1) = 3: 3: 1: 1

? Biến dị tổ hợp là gì? nó xuất hiện trong hình thức sinh sản nào? Vì sao?

? Menden đã tiến hành các thí nghiệm lai 2 cặp tính ntn? Nêu nhận xét.

**3. Bài mới:** Menđen đã giải thích kết quả thí nghiệm lai hai cặp tính trạng như thế nào? Quy luật phân li độc lập có ý nghĩa gì? ta xét ở bài hôm nay.

***Hoạt động 1: Menđen giải thích kết quả thí nghiệm (20’)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kiểu hình  Tỉ lệ | Hạt vàng, trơn | Hạt vàng, nhăn | Hạt xanh, trơn | Hạt xanh, nhăn |
| Tỉ lệ của mỗi kiểu gen ở F2 | 1AABB  4AaBb  2AABb  2AaBB  (9 A-B-) | 1AAbb  2Aabb  (3 A-bb) | 1aaBB  2aaBb  (3aaB-) | 1aabb  1aabb |
| Tỉ lệ của mỗi kiểu hình ở F2 | 9 | 3 | 3 | 1 |
| * GV cho HS đọc SGK và treo hình 5: * *Do đâu F1 thu được toàn hạt vàng trơn?* * GV giải thích sự phân li để hình thành giao tử của F1. * HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi và điền vào bảng 5 * *Giải thích tại sao ở F2 lại có 16 hợp tử?* * GV nhận xét bổ sung * Cho HS rút ra nội dung qui luật phân li độc lập.   ***Kết luận***: Bài ghi | | * HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi * Trong cơ thể lai F1 nhân tố di truyền trội A lấn át nhân tố di truyền trội a, nhân tố di truyền trội B lấn át nhân tố di truyền lặn b. * HS thảo luận và trả lời câu hỏi rồi điền vào bảng 5. * 16 hợp tử là kết quả của sự kết hợp ngẫu nhiên qua thụ tinh của 4 loại giao tử đực và cái. | * Menđen đã giải thích sự phân li độc lập của các cặp tính trạng bằng qui luật phân li độc lập. Nội dung của quy luật là: “*Các cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử “* | |

***Hoạt động 2: ý nghĩa của quy luật phân li độc lập***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| 12  phút | **Mục tiêu** *: HS phân tích được ý nghiã của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá .*   * HS đọc SGK trang 18 * *Vì sao ở các loài sinh sản giao phối thì biến dị lại phong phú hơn so với những loài sinh sản vô tính?* * GV nhận xét   ***Kết luận*** : bài ghi . | - HS thu thập thông tin SGK, kết hợp liên hệ thực tế -> trả lời:  + F1 có sự tổ hợp lại các nhân tố di truyền -> hình thành kiểu gen khác P.  + Sử dụng quy luật phân li độc lập để giải thích sự xuất hiện cảu biến dị tổ hợp.  - HS ghi nhớ cách xác định các loại giao tử và các kiểu tổ hợp. | **II. ý nghĩa của quy luật phân li độc lập**   * Sự phân li độc lập của các cặp nhân tố di truyền trong quá trình phát sinh giao tử và sự tổ hợp tự do của chúng trong quá trình tụ tinh là cơ chế chủ yếu tạo nên các biến dị tổ hợp có ý nghiã quan trọng đối với chọn giống và tiến hoá . |

**4. Củng cố*: (4’)***

- Kết quả phép lai có tỉ lệ kiểu hình 3: 3:1:1, các cặp gen này di truyền độc lập. Hãy xác định kiểu gen của phép lai trên?

(tỉ lệ kiểu hình 3:3:1:1 = (3:1)(1:1) => cặp gen thứ 1 là Aa x Aa

=> cặp gen thứ 2 là Bb x bb

Kiểu gen của phép lai trên là: AaBb x AaBb)

**5. Dặn dò: *(4’)***

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK

- Làm bài tập 4 SGk trang 19.

***Hướng dẫn:***

*Câu 4:* Đáp án d vì bố tóc thẳng, mắt xanh có kiểu gen aabb sinh ra con đều mắt đen, tóc xoăn trong đó sẽ mang giao tử ab của bố, vậy giao tử của mẹ sẽ mang AB => kiểu gen của mẹ phải là AABB.

- HS làm thí ngiệm trước ở nhà:

+ Gieo 1 đồng xu

+ Gieo 2 đồng xu.

**6. Rút kinh nghiệm:**

- Hiểu cách làm BT sơ đồ lai.

- Cho HS làm BT thêm.

**Tuần 3 Lớp dạy: Khối 9**

**Tiết 6** **Ngày dạy: 23/09/2020**

**ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu.**

**1. Kiến thức**

- Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền.

- Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng giải bài tập trắc nghiệm khách quan.

**3.Thái độ**

- HS có thái độ tích cực với môn học

**II. Đồ dùng:**

**-** Bảng phụ, bảng nhóm.

III. Tiến trình bài giảng

**1. ổn định lớp*: (1’)***

**2. Kiểm tra bài cũ : (5’)** Bt 4 Trang 10

**3. Bài mới**

***Hoạt động 1: Hướng dẫn cách giải bài tập***

1. ***Bài tập về lai một cặp tính trạng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| 11  phút | - GV đưa ra dạng bài tập, yêu cầu HS nêu cách giải và rút ra kết luận:  - GV đưa **VD1:** Cho đậu thân cao lai với đậu thân thấp, F1 thu được toàn đậu thân cao. Cho F1 tự thụ phấn xác định kiểu gen và kiểu hình ở F1 và F2.  - GV lưu ý HS:  **VD2:** Bài tập 1 trang 22.  P: Lông ngắn thuần chủng x Lông dài  F1: Toàn lông ngắn.  Vì F1 đồng tính mang tính trạng trội nên đáp án a.  - GV đưa ra 2 dạng, HS đưa cách giải. GV kết luận.  **VD3**: Bài tập 2 (trang 22): Từ kết quả F1: 75% đỏ thẫm: 25% xanh lục  F1: 3 đỏ thẫm: 1 xanh lục. Theo quy luật phân li  P: Aa x Aa  Đáp án d.  **VD5:** Bài tập 4 (trang 23): 2 cách giải:  Cách 1: Đời con có sự phân tính chứng tỏ bố mẹ một bên thuần chủng, một bên không thuần chủng, kiểu gen:  Aa x Aa  Đáp án: b, c.  Cách 2: Người con mắt xanh có kiểu gen aa mang 1 giao tử a của bố, 1 giao tử a của mẹ. Con mắt đen (A-)  bố hoặc mẹ cho 1 giao tử A  Kiểu gen và kiểu hình của P:  Aa (Mắt đen) x Aa (Mắt đen)  Aa (Mắt đen) x aa (Mắt xanh)   Đáp án: b, c. | Học sinh chú ý lắng nghe  + học sinh giải bài tập theo hướng dẫn của giáo viên  1-> 2 học sinh lên làm bài tập các học sinh khác nhận xét bổ xung  Học sinh lên bảng làm bài tập | **Dạng 1**: Biết kiểu hình của P => xác định kiểu gen, kiểu hình ở F1, F2  ***Cách giải***:  - Cần xác định xem P có thuần chủng hay không về tính trạng trội.  - Quy ước gen để xác định kiểu gen của P.  - Lập sơ đồ lai: P, GP, F1, GF1, F2.  - Viết kết quả lai, ghi rõ tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình.  \* Có thể xác định nhanh kiểu hình của F1, F2 trong các trường hợp sau:  **a**. P thuần chủng và khác nhau bởi 1 cặp tính trạng tương phản, 1 bên trội hoàn toàn thì chắc chắn F1 đồng tính về tính trạng trội, F2 phân li theo tỉ lệ 3 trội: 1 lặn.  **b**. P thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản, có kiện tượng trội không hoàn toàn thì chắc chắn F1 mang tính trạng trung gian và F2 phân li theo tỉ lệ 1: 2: 1  **c**. Nếu ở P một bên bố mẹ có kiểu gen dị hợp, bên còn lại có kiểu gen đồng hợp lặn thì F1 có tỉ lệ 1:1.  **Dạng 2:** Biết kết quả F1, xác định kiểu gen, kiểu hình của P.  ***Cách giải:*** Căn cứ vào kết quả kiểu hình ở đời con.  a. Nếu F1 đồng tính mà một bên bố hay mẹ mang tính trạng trội, một bên mang tính trạng lặn thì P thuần chủng, có kiểu gen đồng hợp: AA x aa  b. F1 có hiện tượng phân li:  F: (3:1)  P: Aa x Aa  F: (1:1)  P: Aa x aa (trội hoàn toàn)  Aa x AA( TKHT)  F: (1:2:1)  P: Aa x Aa ( trội không hoàn toàn).  c. Nếu F1 không cho biết tỉ lệ phân li thì dựa vào kiểu hình lặn F1 để suy ra kiểu gen của P. |

***Hoạt động 2: Bài tập về lai hai cặp tính trạng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **12**  **phút** | **VD6**: ở lúa thân thấp trội hoàn toàn so với thân cao. Hạt chín sớm trội hoàn toàn so với  hạt chín muộn. Cho cây lúa thuần chủng thân thấp, hạt chín muộn giao phân với cây thuần chủng thân cao, hạt chín sớm thu được F1. Tiếp tục cho F1 giao phấn với nhau. Xác địnhkiểu gen, kiểu hình của con ở F1 và F2. Biết các tính trạng di truyền độc lập nhau (HS tự giải).  **VD8:** Bài tập 5 (trang 23)  F2: 901 cây quả đỏ, tròn: 299 quả đỏ, bầu dục: 301 quả vàng tròn: 103 quả vàng, bầu dục  Tỉ lệ kiểu hình ở F2 là:  9 đỏ, tròn: 3 đỏ bầu dục: 3 vàng, tròn: 1 vàng, bầu dục  = (3 đỏ: 1 vàng)(3 tròn: 1 bầu dục)   P thuần chủng về 2 cặp gen   Kiểu gen P:  AAbb (đỏ,bầu dục) x aaBB (vàng, tròn)  Đáp án d. | Học sinh theo hướng dẫn của giáo viên làm bài tập  1->2 học sinh lên bảng làm bài tập | **Dạng 1**: Biết P  xác định kết quả lai F1 và F2.  ***\* Cách giải:***  - quy ước gen  xác định kiểu gen P.  - Lập sơ đồ lai  - Viết kết quả lai: tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình.  \* Có thể xác định nhanh: Nếu bài cho các cặp gen quy định cặp tính trạng di truyền độc lập  căn cứ vào tỉ lệ từng cặp tính trạng để tính tỉ lệ kiểu hình:  (3:1)(3:1) = 9: 3: 3:1  (3:1)(1:1) = 3: 3:1:1  (3:1)(1:2:1) = 6:3:3:2:1:1 (1 cặp trội hoàn toàn, 1 cặp trội không hoàn toàn)  **Dạng 2**: Biết số lượng hay tỉ lệ kiểu hình ở F. Xác định kiểu gen của P  ***\* Cách giải***: Căn cứ vào tỉ lệ kiểu hình ở đời con  xác định kiểu gen P hoặc xét sự phân li của từng cặp tính trạng, tổ hợp lại ta được kiểu gen của P.  F2: 9:3:3:1 = (3:1)(3:1)  F1 dị hợp về 2 cặp gen  P thuần chủng 2 cặp gen.  F1:3:3:1:1=(3:1)(1:1) P: AaBbxAabb  F1:1:1:1:1=(1:1)(1:1) P: AaBbxaabb hoặc P: Aabb x aaBb |

**4. Củng cố: (15’)**

- Làm các bài tập VD1, 6,7.

- Hoàn thiện các bài tập trong SGK trang 22, 23.

**5. Dăn dò: (1’)**

- Đọc trước bài 8.

**6. Rút kinh nghiệm:**

- Cho HS làm đi làm lại nhiều lần về BT lai.